

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt

Ông Cầm Văn Tổ

- T ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – T ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Bản V M, xã Ch V, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Bản B V, xã Ch Kh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin được xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 06/6/2024 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Tôi (Lò Thị L) và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau vào năm 2017. Việc kết hôn là do chúng tôi tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn vào ngày 22/11/2017 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi tính cách không hợp nhau. Từng xuyên sảy ra cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải khuyên bảo cho chúng tôi nhưng không thành. Đến tháng 04/2022 chúng tôi đã sống ly thân, trong thời gian ly thân chúng tôi cũng không quan tâm hay hỏi han gì nhau. Nay tôi xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh N, nguyện vọng của tôi được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Minh T, sinh ngày 29/9/2017. Hiện cháu đang sống cùng tôi tại bản Vuông Mè, xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nguyện vọng của tôi sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Minh T cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lò Thị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Minh T, sinh ngày 29/9/2017 là con chung của chị L và anh N. Chị có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn N trình bày như sau:

Anh và chị Lò Thị L kết hôn với nhau vào năm 2017 do tự nguyện tìm hiểu, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của anh chị không hợp hay xảy ra cãi vã. Sau đó anh chị đã sống ly thân từ năm 2023, trong thời gian ly thân vợ chồng cùng không quan tâm hay hỏi han gì tới nhau. Nay chị L có nguyện vọng ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Minh T, sinh ngày 29/9/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Minh T ở với chị L và do chị L nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Minh T cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng theo quy định tại Điều 1208 Bộ luật tố tụng dân sự tại gia đình anh Hoàng Văn N và ban quản lý bản Buốt Vắn, xã Chiềng Kheo.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị L và anh Hoàng Văn N. Về con chung, giao cháu Hoàng Thị Minh T, sinh ngày 29/9/2017 cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Lò Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn N có địa chỉ bản Buốt Vắn, xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn, bị đơn lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lò Thị L và anh Hoàng Văn N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Hoàng Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, có tìm hiểu, tự nguyện là

đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị L và anh N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chính quyền địa phương xác định nguyên nhân của sự phát sinh mâu thuẫn như chị Lò Thị L trình bày là đúng.

Xét thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh N là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị L và anh N cũng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân một thời gian, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị L ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Minh T, sinh ngày 29/9/2017. Chị L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L và anh N có nơi cư trú ổn định, có thu nhập. Chị L, anh N có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. HĐXX xét thấy hiện nay cháu Hoàng Thị Anh T đang sống cùng chị L tại bản Sươi Mè, xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, anh N cũng đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L và anh N. Giao cháu Hoàng Thị Minh T cho chị Lò Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị L và anh Hoàng Văn N đều xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L xin miễn án phí dân sự về việc xin ly hôn do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Minh T, sinh ngày 29/9/2017 cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động)

Ghi nhận việc chị Lò Thị L không yêu cầu anh Hoàng Văn N cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lò Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm, do chị L là người dân tộc cư trú ở xã vùng ba.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tráng A Tênh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**